TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2017/TCDS-ST
Ngày: 20/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH SƠN LA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lường Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vì Văn Đôi, ông Lò Văn Viễn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Quang Hùng, cán bộ Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên Tòa: Bà Lò Thị Thanh – Kiểm Sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2017/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2017. Về việc: Xin ly hôn, theo quyết định xét xử sơ thẩm số: 20/2017/QĐST - HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2017. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Giàng Thị M, sinh năm 1985. Trú tại: bản Khua H, xã Huổi M, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Anh Lầu A P, sinh năm 1984. Trú tại: bản Khua H, xã Huổi M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 6, phân trại số 1 - Trại giam Y, huyện P, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lầu Chái M, (bố đẻ anh Pênh). Trú tại bản Khua H, xã Huổi M, huyện S. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Giàng Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh P chung sống với nhau từ năm 2001, trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Sống chung với bố mẹ chồng đến năm 2008 thì ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vì anh P hay chơi bời, rồi bị mắc nghiện ma tuý từ năm 2005. Sự tình cũng đã được hai bên gia đình góp ý khuyên giải nhiều lần, nhưng anh P không tiếp thu. Anh P đã phải đi tù hai lần, gần đây nhất bị Toà án huyện S xử phạt

07 năm 06 tháng tù vào năm 2014. Nay chị xét thấy có chung sống với anh P cũng không có hạnh phúc, nên có đơn đề nghị giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có 04 con chung:

1. Lầu Thị N, sinh ngày 18/9/2004.
2. Lầu Thị D, sinh ngày 18/12/2005.
3. Lầu Thị H, sinh ngày 04/02/2008.
4. Lầu A N, sinh ngày 01/10/2010.

Hiện tại, cháu D và cháu H đang ở cùng chị; còn cháu Lầu Thị N và cháu Lầu A N đang ở cùng ông bà Nội. Trường hợp ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng hai cháu D và H, còn cháu Lầu Thị N và Lầu ANụ chị để cho ông bà Nội nuôi dưỡng (tức để lại cho anh P nuôi dưỡng sau này), không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh P 01 ngôi nhà gỗ lợp tôn hai gian, 01 vườn nhãn khoảng 50 cây, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng. Về tài sản chung chị M để lại hết cho anh P, anh chị không có nợ ai.

Tại Bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh Lầu A P trình bày:

Về tình cảm hai vợ chồng chưa có gì là mâu thuẫn, anh không muốn ly hôn, vì các con còn nhỏ. Tuy nhiên, nếu chị M một mực xin ly hôn thì anh cũng nhất trí, với điều kiện là anh phải được nuôi cả 04 cháu. Về tài sản chung anh P nhất trí với ý kiến của chị M, nợ chung không có.

Tại phiên toà, chị Giàng Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Giàng Thị M và anh Lầu A P là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháo Lầu Thị D và cháu Lầu Thị H cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Lầu Thị N và Lầu A N cho anh P chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện tại anh P đang phải thi hành án nên tạm giao hai cháu Lầu Thị N và Lầu A N cho ông bà nội nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị M và anh Lầu A P sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn là không hợp pháp. Vi phạm khoản 1 Điều 9 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh P không được công nhận là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Anh, chị có 04 con chung. Thực tế hiện nay cháu D và cháu H đang ở cùng chị M; còn cháu Lầu Thị N và cháu Lầu A N đang ở cùng ông bà nội (bố mẹ đẻ anh P). Tại bản tự khai cũng như nguyện vọng của các cháu tại phiên toà cũng thể hiện mong muốn như vậy. Xét khả năng và điều kiện nuôi con thì hiện tại anh P đang trong thời gian chấp hành án, nên chưa có điều kiện nuôi con; bố mẹ anh P cũng tuổi cao, sức yếu. Để đảm bảo quyền lợi của các cháu nên giao cả 04 cháu cho chị M chăm sóc, giáo dục. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng tôn trọng nguyện vọng của các cháu về việc ở cùng ông bà nội hoặc mẹ các cháu. Trường hợp cả 04 cháu ở cùng chị M thì sau này anh P có quyền đi lại thăm con, không ai được quyền ngăn cản. Sau này, anh Pênh có quyền thay đổi biện pháp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Đối với tài sản chung: Chị M và anh P tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân gồm có: Một ngôi nhà gỗ lợp tôn 02 gian; 01 thửa đất số 95, tờ bản đồ số 20; 01 vườn nhãn khoảng 50 cây đã cho thu hoạch. Số tài sản chung này chị M để lại hết cho anh P. Xét thấy việc chị M để lại toàn bộ tài sản chung cho anh P là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, 16, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Không công nhận chị Giàng Thị M và anh Lầu A P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cả 04 cháu Lầu Thị N, sinh ngày 18/9/2004; Lầu Thị D, sinh ngày 18/12/2005; Lầu Thị H, sinh ngày 04/02/2008; Lầu A N, sinh ngày 01/10/2010 cho chị Giàng Thị M nuôi dưỡng giáo dục, đến tuổi trưởng thành, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị M nhưng được quyền đi lại thăm con

không ai được quyền cản trở. Anh P có quyền thay đổi biện pháp nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Giàng Thị M để lại toàn bộ tài sản chung cho anh Lầu A P quản lý, sử dụng và định đoạt. Trước mắt tạm giao toàn bộ tài sản của anh P cho ông Lầu Chái M quản lý, sau này anh P trở về ông M phải bàn giao lại cho anh Lầu A P.

4. Về án phí: Chị Giàng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 03249 ngày 03/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn; người đại diện hợp pháp của bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án của Toà án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Các đ- ơng sự;
- Người đại điện HP bị đơn;
- UBND xã Huổi M;
- THADS;
- L- u HS;
- L- u VP;

Lường Văn Quyết